

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 59/2024/DS-ST

Ngày 25 – 9 – 2024

V/v: *Kiện đòi tài sản*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Ông Nguyễn Văn Long.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nông Thị Lương, chức vụ:
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên
tòa:** Bà Bùi Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án huyện K, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2024. về việc “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Võ Văn T**, sinh năm 1976. (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: **Tổ dân phố E, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.**

- Bị đơn: Ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1**. (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **Số G G, tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông **Võ Văn T** trình bày:**

Vào ngày 06/02/2024, chúng tôi gồm tôi, ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1** địa chỉ: **số G G, Tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** thỏa thuận bằng giấy nhận nợ với số tiền gốc 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán.

Số tiền trên là số tiền còn nợ lại của số tiền mua vật liệu xây dựng mà ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1** đã mua từ tôi. Các bên thống nhất làm giấy nhận nợ có thể hiện chữ ký và chữ viết của ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị**

T1. Ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1** hẹn đến hết ngày 11/03/2024 sẽ thanh toán cho tôi.

Tuy nhiên, cho đến nay mặc dù thời hạn trả nợ đã trôi qua, tôi cũng đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1** phải có trách nhiệm trả lại cho tôi số tiền gốc 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi. Nhưng đến nay ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1** vẫn chưa trả lại cho tôi bất cứ khoản nào.

Chính vì vậy, tôi khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết buộc ông **Trần Quang D** và bà **Phạm Thị T1** phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho tôi tổng số tiền là 117.880.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng), trong đó số tiền gốc là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi.

Ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông **Trần Quang D** trình bày:**

Tôi là chồng với bà **Phạm Thị T1**. Vào khoảng tháng 6 năm 2023, tôi và bà **Phạm Thị T1** có nhu cầu xây nhà mới tại địa chỉ **số G G, tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** nên vợ chồng tôi có liên hệ để mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông **Võ Văn T**, trong quá trình mua bán với nhau vợ chồng tôi có trả cho ông **T** được 2/3 số tiền mua vật liệu xây dựng, chứ không phải là chúng tôi không trả.

Đến ngày 06/2/2024, các bên có chốt với nhau số nợ tại Giấy nhận nợ, trong đó, chúng tôi đã xác nhận là còn nợ ông **Võ Văn T** tổng số tiền mua vật liệu xây dựng là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi.

Nay ông **T** kiện vợ chồng tôi thì tôi thừa nhận tôi và bà **T** còn nợ ông **Võ Văn T** tổng số tiền là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi. Tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh của gia đình còn nhiều khó khăn và còn nợ nhiều nơi. Bản thân tôi không có công ăn việc làm ổn định. Tôi có nguyện vọng là xin trả dần số tiền còn nợ với ông **Võ Văn T**.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà **Phạm Thị T1** trình bày:**

Vào khoảng tháng 6 năm 2023, tôi và ông **Trần Quang D** có nhu cầu xây nhà mới tại địa chỉ **số G G, tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** nên vợ chồng tôi có liên hệ để mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông **Võ Văn T**, trong quá trình mua bán với nhau vợ chồng tôi có trả cho ông **T** được 2/3 số tiền mua vật liệu xây dựng, chứ không phải là chúng tôi không trả.

Đến ngày 06/2/2024, các bên có chốt với nhau số nợ tại Giấy nhận nợ, trong đó, chúng tôi đã xác nhận là còn nợ ông **T** tổng số tiền mua vật liệu xây dựng là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi.

Nay ông T kiện vợ chồng tôi thì tôi có nguyện vọng là do điều kiện hoàn cảnh của gia đình còn nợ nhiều nơi, bản thân tôi với ông D cũng đang giải quyết ly hôn với nhau. Tôi có nguyện vọng là xin trả ông T mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và trả cho đến khi xong toàn bộ số nợ trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 117, Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn T. Buộc ông Trần Quang D, bà Phạm Thị T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Văn T tổng số tiền là 117.880.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó số tiền mua vật liệu xây dựng là 112.000.000 đồng và tiền lãi 5.880.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Võ Văn T, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Kiến đòi tài sản*” được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Võ Văn T kiện bị đơn ông Trần Quang D và bà Phạm Thị T1 có cùng địa chỉ tại số G G, tổ dân phố I, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nơi bị đơn cư trú có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn ông Trần Quang D, bà Phạm Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên

đơn ông **Võ Văn T** và đồng bị đơn ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn ông **Võ Văn T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** phải trả cho ông **T1** tổng số tiền mua vật liệu xây dựng còn lại chưa trả là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án thì bị đơn ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** đều thừa nhận do có nhu cầu xây nhà mới nên vợ chồng ông bà có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông **Võ Văn T**, trong quá trình mua bán với nhau vợ chồng ông **D**, bà **T** đã trả cho ông **T** được 2/3 số tiền mua vật liệu xây dựng. Đến ngày 06/02/2024, các bên có chốt với nhau số nợ tại Giấy nhận nợ. Trong đó, vợ chồng ông **D**, bà **T** đã xác nhận là còn nợ ông **Võ Văn T** tổng số tiền mua vật liệu xây dựng là 112.000.000 đồng (Một trăm mười hai triệu đồng chẵn) và 5.880.000 đồng (Năm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng) tiền lãi. Như vậy, đây là tình tiết đã được các bên thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định giữa ông **Võ Văn T** và ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** có giao dịch mua vật liệu xây dựng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Quá trình giải quyết vụ án thì vợ chồng ông **D**, bà **T1** cũng thừa nhận là chưa thanh toán đủ cho ông **T1** và ngày 06/2/2024, các bên có chốt với nhau số nợ tại Giấy nhận nợ. Nay ông **T1** khởi kiện thì vợ chồng ông **D**, bà **T1** đều có nguyện vọng là xin trả dần số tiền còn nợ với ông **Võ Văn T**.

Do đó, ông **Võ Văn T** có quyền yêu cầu vợ chồng ông **D**, bà **T** phải trả số tiền như các bên đã thỏa thuận với nhau tại Giấy nhận nợ. Tuy nhiên, vợ chồng ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** không trả là đã vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.....”

Từ những nhận định và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn T**, buộc vợ chồng ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** phải có trách nhiệm trả cho ông **Võ Văn T** tổng số tiền 117.880.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi

ngàn đồng), trong đó số tiền mua vật liệu xây dựng là 112.000.000 đồng và tiền lãi là 5.880.000đồng.

[3] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Võ Văn T** nên ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.894.000 đồng (Năm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn đồng) (theo cách tính 117.880.000 đồng x 5%).

Hoàn trả cho nguyên đơn ông **Võ Văn T** số tiền 2.947.000 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0005638 ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 117, Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Võ Văn T**. Buộc ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** phải có trách nhiệm thanh toán cho ông **Võ Văn T** tổng số tiền là 117.880.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó số tiền mua vật liệu xây dựng là 112.000.000 đồng và tiền lãi 5.880.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bị đơn ông **Trần Quang D**, bà **Phạm Thị T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 5.894.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn ông **Võ Văn T** số tiền 2.947.000 đồng (Hai triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2023/0005638 ngày 05/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thành Tâm